

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ: NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ

## HO CHI MINH'S THOUGHT ON ECONOMIC DEVELOPMENT: CONTENT AND VALUE

Trịnh Quang Dũng\*

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam<sup>1</sup>

\*Tác giả liên hệ / Corresponding author: dungtq@due.edu.vn

(Nhận bài / Received: 01/10/2023; Sửa bài / Revised: 29/11/2023; Chấp nhận đăng / Accepted: 06/12/2023)

**Tóm tắt** - Hồ Chí Minh có nhiều quan điểm về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử Việt Nam, đến nay những quan điểm này vẫn còn nguyên giá trị. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế được nhiều nhà nghiên cứu đề cập và khai thác dưới nhiều góc độ khác nhau, tuy nhiên dưới góc độ chính trị học chưa có nhiều công trình đi sâu, làm rõ. Dưới góc độ chính trị học, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế đã chỉ ra mục tiêu (lâu dài và trước mắt) của sự phát triển kinh tế; các quy luật, đặc trưng của kinh tế Việt Nam, nhận diện và phát huy các động lực, đấu tranh loại bỏ các trở lực phát triển kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bài viết phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế dưới góc độ chính trị học, qua đó chỉ ra các giá trị lý luận và thực tiễn trong tư tưởng của Người.

**Từ khóa** - Tư tưởng Hồ Chí Minh; phát triển kinh tế; giá trị lý luận và thực tiễn

### 1. Đặt vấn đề

Ngay sau khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã tìm mọi cách để giải quyết các nạn "giặc đói", chuẩn bị những điều kiện cho xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, và cung cấp những điều kiện để cho đất nước bước vào giai đoạn kháng chiến, kiến quốc chống thực dân Pháp. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người để lại nhiều luận điểm về phát triển kinh tế, có giá trị về lý luận và thực tiễn sâu sắc, đến nay những luận điểm ấy vẫn là những bài học kinh nghiệm sâu sắc để Đảng và nhân dân ta xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ đổi mới. Dưới góc độ chính trị học, bài viết làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu phát triển, các đặc trưng, quy luật phát triển kinh tế, các động lực phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, qua đó nêu bật nên giá trị vận dụng tư tưởng ấy vào phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Khái niệm phát triển kinh tế và tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế

Theo Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, "phát triển" là thuật ngữ dùng để chỉ "biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp" [1, tr. 669]. Phát triển là sự tăng lên cả về mặt lượng lẫn về chất của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Trong kinh tế, sự tăng trưởng mọi mặt của nền kinh tế trong một giai đoạn lịch sử nhất định được gọi là phát triển kinh tế. Thuật ngữ "phát triển kinh tế" (economic development) là

**Abstract** - Ho Chi Minh held various viewpoints on economic development during the period of transition to socialism in Vietnam, stemming from the application of Marxist-Leninist ideology to the specific historical conditions of Vietnam. These perspectives remain valuable today. Ho Chi Minh's ideas on economic development have been extensively studied and explored from various angles, but from a political science perspective, there hasn't been much in-depth analysis. From a political science perspective, Ho Chi Minh's ideas on economic development highlight the long-term and immediate goals of economic development. They also touch upon the laws and characteristics of the Vietnamese economy, identifying and harnessing the driving forces while struggling to eliminate obstacles to economic development during the period of transitioning to socialism. This article analyzes the content of Ho Chi Minh's economic development ideas from a political science perspective, aiming to unveil the theoretical and practical values embedded in his thoughts.

**Key words** - Ho Chi Minh's ideology; economic development; theoretical values; and practical aspects

khái niệm dùng để chỉ sự tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Theo tác giả Phan Minh Tuấn, phát triển kinh tế được hiểu là "sự biến đổi theo chiều hướng tích cực dựa trên sự biến đổi cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu yếu tố cấu thành nền kinh tế" [2, tr. 22].

Dưới góc độ chính trị học, nghiên cứu về phát triển kinh tế đòi hỏi phải chỉ rõ mục tiêu (lâu dài và trước mắt) của sự phát triển kinh tế xã hội; qua thực tiễn phát triển kinh tế chỉ rõ các quy luật, đặc trưng của nền kinh tế trong một giai đoạn nhất định; đồng thời phải tìm kiếm và đề xuất được các giải pháp để thực hiện mục tiêu đã đề ra, trong đó có việc nhận diện và sử dụng hiệu quả các động lực xã hội cho sự phát triển kinh tế của một quốc gia trong một giai đoạn nhất định. Trên cơ sở nội hàm của khái niệm phát triển kinh tế, có thể hiểu *tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế là toàn bộ các quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, các quy luật, đặc trưng của nền kinh tế, các giải pháp nhằm phát triển kinh tế và xác định hệ thống các động lực phát triển kinh tế ở Việt Nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử Việt Nam. Tư tưởng của Người soi đường chỉ lối cho Việt Nam xây dựng, phát triển kinh tế thời kỳ đổi mới ngày nay.*

#### 2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế

*Một là, xác định mục tiêu phát triển kinh tế xã hội thời kỳ quá độ*

Mục tiêu phát triển kinh tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh được xác định rõ trên hai phạm vi: trước mắt và lâu dài. Mục tiêu lâu dài, xuyên suốt được Người xác định là làm

<sup>1</sup> The University Danang - University of Economics, Danang, Vietnam (Trinh Quang Dung)

sao để đất nước, dân tộc ta giành được độc lập, nhân dân ta được tự do, có cơm ăn, áo mặc và sống một đời hạnh phúc. Độc lập dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân là tất cả những gì Người hằng mong muốn trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Trong *Bài nói chuyện tại lớp hướng dẫn giáo viên cấp II, cấp III và hội nghị sư phạm* tháng 7 năm 1956, Người nói “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh” [3, tr. 669], cuối cùng đề đi đến chế độ cộng sản chủ nghĩa “Chế độ cộng sản là ai cũng muốn no ấm, sung sướng, tự do, ai cũng thông thái và có đạo đức. Đó là một xã hội tốt đẹp về vang” [4, tr. 294].

Mục tiêu trước mắt, ngay sau khi đất nước giành được độc lập, Người đã yêu cầu phải tìm mọi cách giải quyết nạn đói. Trong *Những nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt Nam dân chủ công hòa* được Người viết ngày 3 tháng 9 năm 1945, Người đã chỉ ra nhiệm vụ cấp bách là phải cứu đói nhân dân, Người yêu cầu “Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống” [5, tr. 7]. Những năm kháng chiến, Người tiếp tục động viên nhân dân thực hành tiết kiệm phục vụ cho kháng chiến. Người nói “muốn thực hiện toàn dân kháng chiến, ngoài việc động viên quân sự, chính trị ngoại giao còn phải động viên cả tinh thần lẫn kinh tế” [5, tr. 97]. Động viên tinh thần giúp nhân dân hướng về một chiều đề đi tới một mục đích kháng chiến, làm cho dân hiểu kháng chiến nhất định thắng lợi, động viên kinh tế là phải “làm cho nước được giàu thêm, dân được ấm no... nhiều sức, giàu của mới có thể kháng chiến lâu dài” [5, tr. 99]. Như vậy có thể thấy, phát triển kinh tế phải là công cụ, biện pháp để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giữ gìn độc lập dân tộc và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao là cộng sản chủ nghĩa.

**Hai là, từ thực tiễn đất nước, Người chỉ ra những đặc trưng mang tính bản chất về phát triển kinh tế của Việt Nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

- Về cơ cấu ngành kinh tế Hồ Chí Minh xác định nền kinh tế Việt Nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp và giao thông vận tải. Trong *Thường thức chính trị*, Người nhấn mạnh “Xây dựng kinh tế - Phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghệ, thương nghiệp, giao thông vận tải, để cải tiến kinh tế và tài chính của Nhà nước, cải thiện đời sống nhân dân” [4, tr. 265]. Trong *Diễn văn Chúc mừng năm mới trong dịp lễ mừng Trung ương Đảng và Chính phủ về Thủ đô*, Người đã viết: “Chúng ta phải ra sức khôi phục lại kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, vận tải, để nâng cao đời sống nhân dân” [6, tr. 561].

Tuy nhiên, vào từng thời điểm mà Người xác định ngành kinh tế nào được ưu tiên phát triển. Bởi đây là hoạt động rất quan trọng để quyết định hiệu quả của sự phát triển kinh tế xã hội. Người xác định ở giai đoạn đầu cơ cấu kinh tế phù hợp là cơ cấu nông - công nghiệp, xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; tiếp đến bước thứ hai ưu tiên cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, trong đó đặc biệt nhấn mạnh con đường công nghiệp hoá nước nhà với công nghiệp nặng là nội dung trọng tâm. Khi công nghiệp, nông nghiệp phát triển cần phải tạo điều kiện thúc đẩy thương nghiệp, coi trọng cơ cấu kinh tế công - nông - thương nghiệp.

Nhiều lần Người nhắc đến cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, trong *Bài nói chuyện tại Hội nghị giảm tô và cải*

*cách ruộng đất* (ngày 31 tháng 10 năm 1955), Người nói: “Người thì có hai chân. Kinh tế một nước thì có hai bộ phận chính: nông nghiệp và công nghiệp. Người không thể thiếu một chân, thì nước không thể thiếu một bộ phận kinh tế” [3, tr. 182]. Trong bài viết *Hoan nghênh hội nghị cán bộ quản lý xí nghiệp* (tháng 11 năm 1955), Người viết: “Cán bộ quản lý cần phải nhận thấy rõ ràng: công nghiệp và nông nghiệp như hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chân phải thật vững thật khỏe, thì kinh tế mới có tiến bộ và nhanh chóng” [3, tr. 191]. Trong *Bài nói chuyện tại Hội nghị tổng kết phong trào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp năm 1959* (tháng 2 năm 1960), Người tiếp tục khẳng định: “Tiến lên chủ nghĩa xã hội phải đi bằng hai chân: công nghiệp và nông nghiệp. Công nghiệp đã có tiến bộ, nếu nông nghiệp không tiến bộ hoặc cứ cầm chừng thì như què, vì vậy phải cố gắng đưa nông nghiệp tiến lên” [7, tr. 474].

Cơ cấu kinh tế này sẽ hỗ trợ, bổ sung và tạo điều kiện để cùng nhau phát triển. Theo Người, “nông nghiệp phải phát triển mạnh mẽ để cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho nhân dân; cung cấp đủ nguyên liệu (như bông, mía, chè...) cho nhà máy, cung cấp đầy đủ nông sản để xuất khẩu để lấy máy móc. Công nghiệp phát triển mạnh để cung cấp hàng tiêu dùng cần thiết cho nhân dân, trước hết là nông dân, và cung cấp dần máy cày, máy bừa cho các hợp tác xã nông nghiệp. Công nghiệp phát triển thì nông nghiệp mới phát triển. Cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau phát triển, như hai chân đi khỏe và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh, và nhanh chóng đi đến mục đích. Thế là thực hiện liên minh công nông để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân” [8, tr. 376].

Bên cạnh cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, Hồ Chí Minh còn xem trọng cả thương nghiệp. Trong *Bài nói chuyện tại Hội nghị chiến sĩ thi đua ngành thương nghiệp lần thứ nhất* (tháng 5 năm 1956), Người đã nhấn mạnh: “Về nhiệm vụ thì phải hiểu rõ trong nền kinh tế quốc dân có ba mặt quan trọng: Nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp. Ba mặt công tác quan hệ mật thiết với nhau. Thương nghiệp là cái khâu giữa nông nghiệp và công nghiệp. Thương nghiệp đưa hàng đến nông thôn phục vụ nông dân, thương nghiệp lại đưa nông sản, nguyên liệu cho thành thị tiêu dùng. Nếu khâu thương nghiệp bị đứt thì không liên kết được nông nghiệp với công nghiệp, không cùng có được công nông liên minh. Công tác thương nghiệp không chạy thì hoạt động nông nghiệp, công nghiệp sẽ bị rời rạc” [3, tr. 536].

- Về sở hữu và cơ cấu thành phần kinh tế: Tư tưởng Hồ Chí Minh về sở hữu thể hiện rõ qua các tác phẩm chủ yếu: Đường Cách Mệnh (1927); Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử (1950); Thường thức chính trị (1953) và Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (12.1959). Theo Hồ Chí Minh về lâu dài khi đã lên xã hội chủ nghĩa, ở Việt Nam sẽ chỉ có một loại hình sở hữu duy nhất, đó là sở hữu công hay sở hữu chung được biểu hiện ở loại hình sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Trong Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người nói “Mục đích của chế độ ta là xóa bỏ các hình thức sở hữu không xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế gồm nhiều thành phần phức tạp trở nên một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể” [7, tr. 372]. Tuy nhiên, do đặc điểm của Việt Nam “phải

kinh qua chế độ dân chủ nhân dân, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” [4, tr. 293] cho nên chưa thể xây dựng được toàn bộ nền kinh tế với hình thức sở hữu công, mà trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tất yếu khách quan vẫn tồn tại nền kinh tế với nhiều loại hình sở hữu. Người nói “Trong nước ta hiện nay có những hình thức sở hữu chính về tư liệu sản xuất như sau: Sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân. Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động. Sở hữu của người lao động riêng lẻ. Một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản” [7, tr. 372]. Như vậy, về cơ bản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vẫn tồn tại các hình thức sở hữu chính: sở hữu công, sở hữu tư; sở hữu nửa công nửa tư.

Chính sách của Đảng và nhà nước với các hình thức sở hữu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “*công tư đều lợi*”, thúc đẩy và ưu tiên phát triển cho sở hữu công, song cũng giúp đỡ, tạo điều kiện cải tạo các loại hình sở hữu khác để huy động sức mạnh tổng hợp cho quá trình phát triển đất nước. Người nói: “Công tư đều lợi: kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của nền kinh tế dân chủ mới. Cho nên chúng ta ra sức phát triển nó và nhân dân ta phải ủng hộ nó. Đối với những người phá hoại nó, trộm cắp của công, khai gian lậu thuế, thì phải trừng trị. Tư là những nhà tư bản dân tộc, và kinh tế cá nhân của nông dân, thợ thủ công. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên, chính phủ cần giúp đỡ họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, phải hợp với lợi ích của đại đa số nhân dân” [3, tr. 268].

Từ việc tồn tại nhiều loại hình sở hữu, dẫn đến trong nền kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng tồn tại nhiều thành phần. Người xác định, trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam có 5 thành phần kinh tế như: “A - kinh tế quốc doanh; B- Các hợp tác xã; C - Kinh tế của cá nhân, nông dân, thủ công nghệ; D- tư bản của tư nhân, E- tư bản của nhà nước. Trong 5 loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo chủ nghĩa tư bản” [4, tr. 294]. Người khẳng định, sự tồn tại của các thành phần kinh tế là tất yếu, khách quan, vì thế trong thực tiễn, không được cưỡng ép các thành phần kinh tế khác vào con đường xã hội chủ nghĩa, cũng không được đốt cháy giai đoạn, chủ quan duy ý chí mà xóa bỏ các thành phần kinh tế khác, thậm chí đối với Hồ Chí Minh, còn khẳng định phải tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác phát triển, bởi vì, xét trên một khía cạnh nào đó, họ cũng đóng góp cho cách mạng và nền kinh tế của chúng ta.

*Về chế độ phân phối sản phẩm:* Người luôn coi trọng sự công bằng xã hội, đặc biệt trong phân phối sản phẩm lao động làm ra. Theo Hồ Chí Minh “Khẩu hiệu của chủ nghĩa xã hội là: Làm nhiều ăn nhiều, làm ít ăn ít, không làm không ăn, lười biếng thì không có ăn, tất nhiên trừ người già, đau yếu và trẻ em” [3, tr. 582]. Tuy nhiên, phân phối theo lao động, Hồ Chí Minh cũng nhắc nhở chúng ta không được nhầm lẫn với chủ nghĩa bình quân. Người nói “chủ nghĩa bình quân thì lại không đúng... Bình quân chủ nghĩa là trái với chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng” [3, tr. 583]. Hoặc có những người hiểu sai về công bằng trong nền kinh tế, họ nghĩ rằng chỉ cần đem hết của cải sẵn có trong xã hội chia đều cho mọi người cùng hưởng là tự khắc ai nấy được no ấm. Hồ Chí Minh khẳng định rằng, nếu chia theo kiểu

đó thì mức sống của chúng ta sẽ hết sức tồi tàn và chưa thể giúp mọi người no ấm, vì tài sản không tự nó đẻ ra. “Điều quan trọng nhất là sau khi làm chủ được nó, chúng ta phải bắt nó đẻ ra của cải ngày càng nhiều, càng nhiều để đời sống chúng ta càng dồi dào” [7, tr. 432].

**Ba là, Người đưa ra những giải pháp thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Một là, Người luôn yêu cầu kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ Tổ quốc, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa bảo vệ độc lập dân tộc. Hai là, trong quá trình phát triển kinh tế, chúng ta vừa phải xây dựng nền tảng cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội mới vừa phải chống lại các yếu tố cản trở, những tàn dư của xã hội cũ. Giữa xây và chống, Hồ Chí Minh xem xây là then chốt nhưng cũng không được quên chống. Thứ ba, trong quá trình phát triển kinh tế cần có kế hoạch biện pháp, và sự quyết tâm, mỗi bước đi phải có sự nghiên cứu lý luận, học tập kinh nghiệm chủ nghĩa Mác – Lênin và các nước anh em, song không được áp dụng máy móc, đường lối phát triển kinh tế xã hội phải có sự nghiên cứu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu, khả năng và mong muốn của nhân dân. Trong đó, Người luôn nhấn mạnh phải đề cao sự quyết tâm thực hiện bằng được các đường lối phát triển kinh tế. Nếu kế hoạch 10 phần, biện pháp phải 20 thì sự quyết tâm phải 30. Trong các biện pháp được Người đưa ra, Người xem biện pháp “đem tài dân, sức dân làm lợi cho dân” là biện pháp quan trọng nhất, nền tảng nhất. Trong các xã hội cũ, người dân mang sức mình phục vụ cho giai cấp thống trị, trong xã hội mới, người dân sẽ chính là người xây dựng chế độ mới, phục vụ cho chính lợi ích của bản thân mình, giai cấp và đất nước mình. Người luôn xem dân là gốc, mọi đường lối phải xuất phát từ dân và Người cũng yêu cầu nhân dân phải thực sự tích cực tham gia vào các công việc nhà nước để xứng đáng với thân phận dân là chủ và làm chủ nước nhà.

**Bốn là, Người đưa ra quan niệm về động lực và nhận diện, khắc phục các trở lực phát triển kinh tế xã hội**

Nội lực bao gồm vốn, khoa học kỹ thuật và con người, trong đó Người xem con người là vốn quý giá nhất. Người luôn nhấn mạnh “sức người là vốn quý nhất của ta” [8, tr. 70]. Sức người là nguồn nhân lực, là sức mạnh tinh thần và vật chất của mọi tầng lớp, giai cấp, là mọi lực lượng được huy động vào công cuộc phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế và công nghiệp hoá là một việc làm rất lớn, phải có nhiều vốn. Nhưng, vốn lấy ở đâu? Người yêu cầu chúng ta phải huy động vốn của toàn dân bằng cách tăng gia sản xuất tạo ra của cải, thực hành tiết kiệm và tích lũy xã hội chủ nghĩa, đó là “con đường của chúng ta đi, là lấy sự dành dụm của mình làm nguồn vốn để xây dựng công nghiệp” [7, tr. 451]. Về khoa học kỹ thuật, Người yêu cầu phải học hỏi kinh nghiệm của thế giới, phát động các phong trào cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến kinh nghiệm, và tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học được phát huy tài năng, trí tuệ của mình trong phát triển kinh tế.

Người sớm có quan niệm về tận dụng ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Ngay từ cuối năm 1946, Người đã gửi cho Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc một bức thư trong đó nêu rõ tinh thần của Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các quốc gia trên thế giới, không gây thù oán với ai, sẵn sàng hội nhập quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hiệp Quốc. Đây có thể nói là “bản tuyên ngôn” đầu tiên về cách tiếp cận của Việt Nam đối với thế giới bên ngoài.

Đặc biệt, trong nhận diện và khắc phục các trở lực, Người xem chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù số một của chủ nghĩa xã hội nói chung và sự phát triển kinh tế xã hội nói riêng. Nhiều lần Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến căn bệnh nguy hiểm này, Người xem chủ nghĩa cá nhân như căn bệnh “me”, nó “như một thứ vi trùng đẻ ra nhiều bệnh khác” [10, tr. 249]. Từ bệnh “me” sẽ sinh ra “các thứ giặc nội xâm”, đó là các bệnh tham ô, quan liêu, lãng phí. Ngoài ra, Người còn sớm nhận ra những hạn chế, tiêu cực trong bộ máy nhà nước khi phát triển kinh tế xã hội, đó là các căn bệnh: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ và kiêu ngạo; là những hạn chế về ngại đổi mới, ngại học hỏi, xem thường học tập lý luận... Muốn phát triển kinh tế phải nhận diện và đấu tranh loại bỏ được những trở lực này. Người nói “muốn lúa tốt thì phải nhổ cỏ cho sạch, nếu không, dù cây bừa kỹ, bón phân nhiều, lúa vẫn xấu vì lúa bị cỏ át đi. Muốn thành công trong tăng gia sản xuất và tiết kiệm cũng phải nhổ cỏ cho sạch, nghĩa là phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Nếu không, thì nó sẽ làm hại đến công việc của ta” [9, tr. 335]

Như vậy, dưới góc độ chính trị học, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế là tổng hợp các quan điểm của Hồ Chí Minh về xác định mục tiêu phát triển kinh tế, những quy luật và đặc trưng phát triển kinh tế; các biện pháp phát triển kinh tế và bên cạnh đó là nhận diện, sử dụng các động lực, đấu tranh loại bỏ các trở lực trong khi phát triển kinh tế. Những tư tưởng này của Người là sự vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

### 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế

#### 2.3.1. Giá trị về lý luận

*Một là, Hồ Chí Minh phát triển và làm phong phú thêm lý luận về kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế là kết quả của sự vận dụng, sáng tạo và phát triển lý luận kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, qua đó làm giàu thêm tri thức về kinh tế của lý luận Mác – Lênin. Sự sáng tạo và phát triển của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế thể hiện qua các khía cạnh sau đây:

Xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế là tư tưởng gắn phát triển kinh tế với việc thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, lấy phát triển kinh tế làm cơ sở để thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội, lấy nhân dân làm trung tâm của mọi đường lối kinh tế nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Sự sáng tạo của Người thể hiện ở chỗ, nếu các nhà tư bản quan tâm hàng đầu đến lợi nhuận tối đa thì Hồ Chí Minh hướng sự phát triển kinh tế xã hội đến việc nâng cao đời sống nhân dân, lấy việc nâng cao đời sống nhân dân làm tiêu chuẩn, thước đo đánh giá sự thành công của đường lối kinh tế. Hơn nữa, Người xác định mục tiêu của sự phát triển kinh tế là nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”. Hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ luôn lấy “xã hội” làm trung tâm, kêu gọi các cá nhân phải vì cộng đồng, vì tập thể, thậm chí có nước còn có sự “kỳ thị” đối với những người giàu, lên án sự giàu có của các cá nhân và gia đình. Với Hồ Chí Minh, Người không “o bế” hay “kỳ thị” ngược lại còn ủng hộ việc làm giàu chính đáng của nhân dân, vì “dân có giàu nước mới mạnh”. Các cá nhân giàu có, gia đình giàu có thì đất nước mới phồn thịnh, mạnh giàu. Hồ Chí Minh đã làm

cụ thể hơn quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin “sự phát triển tự do của mỗi người, là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người” [11, tr. 606] vào lĩnh vực kinh tế.

Người để lại nhiều tư tưởng có giá trị về xây dựng cơ cấu ngành kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam. Trong khi các nước thường đi theo mô hình kinh tế của Liên Xô, lấy công nghiệp nặng làm nhiệm vụ hàng đầu. Xuất phát từ điều kiện thực tế của Việt Nam là một nước nông nghiệp, nhân dân lại đói kém, cho nên chúng ta phải xuất phát từ nông nghiệp, lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Con đường công nghiệp hóa là xu hướng tất yếu của kinh tế Việt Nam, song không nhất thiết phải từ công nghiệp nặng. Người chỉ ra ở Việt Nam, cần phải trải qua các bước: trước hết là phát triển nông nghiệp, bước hai phát triển công nghiệp nhẹ, thủ công nghiệp và bước 3 mới đến công nghiệp nặng. Tùy vào điều kiện, hoàn cảnh của mỗi giai đoạn mà xem bước nào là ưu tiên số một. Chúng ta không thể giống với Liên Xô vì có điều kiện, hoàn cảnh lịch sử khác với họ. Trước đổi mới chúng ta xây dựng công nghiệp nặng hàng loạt trong khi nhân dân vẫn đói kém, sản xuất công nghiệp nhiều song không tiêu thụ được, dẫn đến khủng hoảng kinh tế và không giải quyết được nhu cầu cần thiết của nhân dân. Đại hội VI (1986) xác định 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, là sự nhận thức đúng đắn của Đảng về thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của đất nước, Đảng đã vận dụng quan điểm này của Hồ Chí Minh và cho thấy giá trị to lớn trong tư tưởng của Người về xây dựng cơ cấu ngành kinh tế phù hợp với điều kiện Việt Nam. Hiện nay, nông nghiệp cũng đang là động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế quan trọng, là thế mạnh của Việt Nam trong xuất nhập khẩu với các nước trên thế giới.

Trong nền kinh tế của một nước, vấn đề sở hữu và các thành phần kinh tế luôn là yếu tố rất quan trọng, bởi nó quyết định bản chất của chế độ. Hồ Chí Minh xác định kinh tế Việt Nam thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là nền kinh tế nhiều thành phần do có nhiều loại hình sở hữu. Đây được xem là điểm sáng tạo lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế. Trong khi hầu hết các nước đi theo mô hình của Liên Xô lấy kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là hai thành phần kinh tế chủ đạo (ngay cả Liên Xô mặc dù đã có chỉ đạo của Lênin về *Chính sách kinh tế mới* về cơ bản cũng duy trì hai thành phần kinh tế này). Tuy nhiên, với Hồ Chí Minh, Người thấy rõ sự tồn tại khách quan của các loại hình sở hữu cho nên Người sớm có chủ trương xây dựng kinh tế nhiều thành phần, mặc dù ưu tiên cho kinh tế nhà nước song vẫn tạo điều kiện cho các thành phần khác được phát triển. Người coi trọng thành phần kinh tế quốc doanh và với định hướng đó kinh tế Việt Nam sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng tư bản chủ nghĩa. Đến nay, kinh tế nhiều thành phần và coi trọng thành phần kinh tế nhà nước được Đảng ta xem là nền tảng của đường lối kinh tế thời kỳ đổi mới, qua đó cho thấy giá trị và sức sống mãnh liệt của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nền kinh tế Việt Nam. Qua đó, cho thấy tinh thần dân chủ rất nổi trội trong tư tưởng của Người về phát triển kinh tế.

Trong quản lý và điều hành kinh tế, Hồ Chí Minh có sự sáng tạo lớn khi đề ra cơ chế khoán làm nền tảng cho quan niệm phân phối sản phẩm theo lao động, đây là nền tảng để Đảng ta sau này cho ra đời chế độ khoán sản phẩm trong công nghiệp và khoán hộ trong nông nghiệp.

Người có sự sáng tạo trong việc thực hành tiết kiệm, coi tăng gia sản xuất đi đôi với thực hành tiết kiệm là một biện pháp quan trọng trong phát triển kinh tế. Trong huy động và sử dụng vốn, Người có quan niệm về tích lũy xã hội chủ nghĩa. Trong khi các nước tư bản chủ nghĩa Người chỉ ra có 3 cách huy động vốn (bóc lột nhân dân trong nước, bóc lột nhân dân các nước thuộc địa, vay vốn nước ngoài) thì đối với Hồ Chí Minh, ở Việt Nam không thể đi theo 3 cách này của tư bản chủ nghĩa, đối với các nước xã hội chủ nghĩa cũng như Việt Nam phải lấy sự dành dụm để xây dựng nước nhà. Mà cũng không phải một người tiết kiệm, hay một nhà tiết kiệm, Người yêu cầu mọi người, mọi nhà, cả nước phải tiết kiệm, đó là tích lũy xã hội chủ nghĩa. Thực hành tiết kiệm là một phương châm nổi bật, đặc sắc trong tư tưởng của Người.

Trong xác định các động lực, Hồ Chí Minh không chỉ xem trọng nội lực, Người còn chú ý đến phát huy ngoại lực. Người để lại tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, đặc biệt Người sớm có tư tưởng mở cửa buôn bán làm ăn, hợp tác với nước ngoài còn phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế ngày nay. Trong khi Người hiểu rõ trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam sẽ nhận được nhiều sự hỗ trợ của các nước anh em, nhưng không vì thế mà ỷ lại vào sự hỗ trợ đó, Người luôn yêu cầu nhân dân ta bản thân phải tự nỗ lực, lấy nội lực là chủ yếu, song phải tranh thủ sự hỗ trợ của nước ngoài. Đây là tư tưởng thể hiện sự chủ động, tự chủ, tự lực tự cường mà Người là tấm gương sáng. Hồ Chí Minh còn phân biệt rõ nét sự giúp đỡ giữa các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Nếu các nhà tư bản chủ nghĩa họ đầu tư sẽ có mục đích, lợi nhuận và bắt các nước nhỏ lệ thuộc, còn sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em là sự giúp đỡ vô tư, với mong muốn nhân dân sớm kiến thiết đất nước, gây dựng lại cuộc sống tốt đẹp. Trong mối quan hệ kinh tế với các nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng sớm đề xuất việc làm ăn, buôn bán mở cửa với các nước dân chủ trên thế giới. Lúc bấy giờ, xu hướng chủ yếu là hợp tác chặt chẽ với các nước trong cùng hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhưng Hồ Chí Minh sớm đề xuất làm ăn buôn bán với các nước dân chủ trên thế giới, bán những thứ thể mạnh của Việt Nam song cũng mua những thứ mà họ có thể mạnh, trên tinh thần tôn trọng độc lập chủ quyền của các dân tộc

*Hai là, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế làm cơ sở cho đường lối của Đảng trong thời kỳ 1945 – 1986*

Giai đoạn 1945 – 1954 nhiều quan điểm của Đảng có sự phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh đem lại nhiều kết quả tích cực. Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền được no ấm, quyền được làm chủ của nhân dân, Chính phủ đã xác định “giặc đói là giặc nguy hiểm nhất”, Chính phủ ra sức vận động cứu đói, tìm mọi cách để nhân dân ta không bị chết đói. Hơn nữa, Chính phủ còn ra các Sắc lệnh như bãi bỏ Thuế Thân (7.9.1945) và các thứ thuế vô lý khác. Đồng thời, còn giảm tô, thuế cho nhân dân, giúp đỡ nhân dân về công cụ và kỹ thuật canh tác. Nhờ tất cả những chính sách này đã làm cho nhân dân ta thoát khỏi giặc đói và quan trọng hơn là củng cố niềm tin của nhân dân, làm cho nhân dân ta tin tưởng, ủng hộ chính quyền cách mạng.

Trong giai đoạn này, thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về nền tài chính độc lập, tự chủ, trong hoàn cảnh ngân sách trống rỗng, Chính phủ đã phát động người dân hưởng ứng *Tuần lễ vàng* và xây dựng *Quỹ độc lập*. Chính phủ ra sắc lệnh ban

hành tờ giấy bạc Việt Nam. Đây là thắng lợi to lớn trên mặt trận tiền tệ của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa. Đến năm 1951, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập. Với các chính sách này giúp ích rất nhiều cho dân tộc Việt Nam vượt qua được giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về ruộng đất cho nông dân, Đảng đã thông qua *Cương lĩnh về ruộng đất*, Quốc hội Khóa I năm 1953 đã thông qua *Luật ruộng đất*.

Giai đoạn 1954 đến 1975 quan điểm về kinh tế nhiều thành phần của Hồ Chí Minh được duy trì nhưng Đảng có nhiều quan điểm không phù hợp, xa rời với tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế, như: quan niệm về công nghiệp hóa nước nhà, trong đó “ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý” [12, tr.573] thực tế đã chứng minh là không phù hợp với một nước nghèo, có thể mạnh về nông nghiệp và đang phải tiến hành chiến tranh.

Sau khi đất nước được thống nhất giai đoạn 1975 -1986, Đại hội IV tiếp tục ưu tiên cho phát triển công nghiệp nặng và đưa ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế quá cao, dẫn đến đời sống nhân dân rất khó khăn.

Dấu hiệu của sự đổi mới về kinh tế trong đường lối của Đảng thể hiện ở Đại hội IV (1976) và Đại hội V (1981). Hội nghị trung ương 6 khóa IV (1979) Đảng có chủ trương làm cho sản xuất “bung ra”. Tiếp đó là khuyến khích sản xuất nông nghiệp, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 100- CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động, người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Chính phủ ban hành Quyết định 25/CP về mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp quốc doanh và Quyết định 26/CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và các hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất của doanh nghiệp nhà nước.

Đại hội V có một số quan điểm của Đảng phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh như xác định thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ lâu dài, nhiều chặng đường, trong chặng đường đầu tiên nhiệm vụ chính là phục hồi kinh tế nên cần đưa ra các chỉ tiêu phù hợp. Đảng cũng xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu tuy nhiên cũng chưa có các biện pháp để phát triển nông nghiệp phù hợp. Ở miền Nam thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, tuy nhiên Đại hội V lại chưa thừa nhận trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần.

Nhìn chung, trước đổi mới, nhất là giai đoạn 1975 – 1986, và hậu quả là đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế xã hội nghiêm trọng. Thực tế đó thể hiện tính đúng đắn và vai trò nền tảng lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đường lối phát triển kinh tế của Đảng.

### 2.3.2. Giá trị thực tiễn

*Một là*, tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh cùng với các chính sách, sách lược cụ thể đã góp phần củng cố nhà nước non trẻ, đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thiếu thốn về vật chất sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Với những chủ trương mau chóng, kịp thời và phù hợp, nạn đói đã được giải quyết, sự thiếu thốn về tài chính đã được khắc phục, từ chỗ ngân hàng chỉ có hơn 1,2 triệu đồng, chỉ trong *Tuần lễ vàng* nhân dân cả nước đã đóng góp được 370 kg vàng và 60 triệu tiền mặt, nền tài chính đất nước vượt qua được khó khăn ban đầu.

*Hai là*, tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh đã góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đủ sức đảm bảo những nhu cầu thiết yếu của nhân dân và chi viện cho tiền tuyến trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Sau khi miền Bắc được giải phóng, chủ trương khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân của Người đã giúp miền Bắc nhanh chóng bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho miền Bắc nhanh chóng “thay da, đổi thịt”. Ngay cả khi giai đoạn 1960-1975 có những biểu hiện “tả khuynh”, quan điểm kinh tế của Hồ Chí Minh cũng đóng góp phần nào kiềm chế sự nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong đường lối và tổ chức hoạt động kinh tế của Đảng.

*Ba là*, tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam khắc phục những sai lầm, hạn chế trong đường lối kinh tế, đưa đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới. Quá trình đổi mới từng phần chính là quá trình nhận thức lại và tìm cách vận dụng những quan điểm kinh tế của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới. Những quan niệm của Người về kinh tế như xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, cơ cấu kinh tế trong đó coi trọng nông nghiệp, chế độ phân phối sản phẩm, con đường công nghiệp hóa, các biện pháp xây dựng, phát triển kinh tế, nhận diện và sử dụng các động lực, đấu tranh loại bỏ các trở lực trong phát triển kinh tế đã trở thành nền tảng cơ sở để Đảng so sánh, và từng bước khắc phục những sai lầm, hạn chế trong đường lối phát triển kinh tế của mình và đưa ra chiến lược phát triển kinh tế mới, phù hợp với điều kiện, yêu cầu của đất nước. Tại các kỳ Đại hội đổi mới, Đảng đã có những quan điểm về phát triển kinh tế với sự kế thừa, vận dụng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, đây là một sự nhận thức mới của Đảng ta về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, qua đó đã góp phần giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi tiềm năng của đất nước, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo của người lao động, gắn với lợi ích cá nhân của họ, tạo ra một động lực không nhỏ đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Hơn nữa, sự điều chỉnh này còn phát huy được tiềm năng tuy phân tán nhưng rất quan trọng trong nhân dân, bao hàm cả về sức lao động, kỹ thuật, tiền vốn, khả năng tự tạo việc làm... Điều này đã được Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh khi Người nói về phải phát huy sức mạnh nội lực đất nước trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cơ chế quản lý kinh tế được đổi mới từ kế hoạch hoá sang phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Các đơn vị kinh tế cơ sở với quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, chủ động tiếp cận nhu cầu thị trường, khai thác mọi khả năng để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước. Khác với cơ chế quản lý hành chính tập trung quan liêu bao cấp, cơ chế quản lý mới này đặc biệt chú ý và sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá – tiền tệ: “Việc sử dụng quan hệ hàng hoá – tiền tệ đòi hỏi sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị kinh tế tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng” [12, tr. 63].

Quan hệ phân phối được xây dựng lại trên nền tảng phân phối theo sức lao động, gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Từ đó tạo động lực mới cho mỗi người lao động hăng say, tích cực chủ động sản xuất.

Hoạt động chống tham nhũng và lãng phí vẫn là tư

tưởng chủ yếu của Người trong quá trình phát triển kinh tế, tư tưởng này của Người có thể áp dụng để đảm bảo rằng tài nguyên và nguồn lực quốc gia được sử dụng hiệu quả và công bằng trong môi trường kinh tế mới.

Trong bối cảnh mới, Đảng đã có sự kế thừa và vận dụng những tư tưởng phát triển kinh tế của Hồ Chí Minh, đồng thời phát triển, sáng tạo đường lối kinh tế của Đảng để phù hợp với thực tiễn. Những đổi mới của Đảng (về mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về cơ chế thị trường, các thành phần kinh tế, về quản lý kinh tế, chế độ phân phối...) đã trở thành mô hình kinh tế tổng quát của nước ta thời kỳ quá độ. Chính đường lối đổi mới này đã tạo ra những thành tựu quan trọng.

### 3. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế là một hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc, Người đã xác định rõ các mục tiêu (lâu dài và trước mắt) của sự phát triển kinh tế; từ thực tiễn đất nước Người chỉ ra quy luật và các đặc trưng của nền kinh tế, các động lực, nhận diện và khắc phục các trở lực cho sự phát triển kinh tế; Người cũng đề xuất các giải pháp để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tư tưởng của Người về phát triển kinh tế là sự vận dụng, đồng thời còn có sự sáng tạo, phát triển lý luận Mác – Lênin về kinh tế vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử Việt Nam, là cơ sở quan trọng định hướng đường lối phát triển kinh tế của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

Để tư tưởng Hồ Chí Minh đi sâu vào đời sống kinh tế đất nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay, đặc biệt thực hiện mục tiêu kinh tế của Việt Nam từ nay đến năm 2030, cần tiếp tục nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế đồng thời so sánh, đối chiếu với thực tiễn phát triển kinh tế hiện nay để đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế phù hợp. Trong đó, tiếp tục phải thực hiện nhất quán chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện tốt các chính sách đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, mở rộng quan hệ đối ngoại kinh tế, phát huy tối đa các động lực to lớn cho sự phát triển kinh tế trong thời gian tới.../.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H. Phe, *Vietnamese Dictionary*, Da Nang Publishing House, 2003.
- [2] P. M. Tuan, *Economic Development*, Construction Publishing House, Hanoi, 2022.
- [3] H. C. Minh, *Collected Works*, Volume 10, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [4] H. C. Minh, *Collected Works*, Volume 8, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [5] H. C. Minh, *Collected Works*, Volume 4, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [6] H. C. Minh, *Collected Works*, Volume 12, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [7] H. C. Minh, *Collected Works*, Volume 13, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [8] H. C. Minh, *Collected Works*, Volume 7, Truth Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [9] H. C. Minh, *Collected Works*, Volume 11, National Political Publishing House, Hanoi, 2011.
- [10] K. Marx and F. Engels: *Collected Works*, Volume 4, National Political Publishing House, Hanoi, 1995.
- [11] Communist Party of Vietnam, *Party Documents*, Volume 21, National Political Publishing House, Hanoi, 2000.
- [12] Communist Party of Vietnam, *Documents of the Party's 6th National Congress*, Truth Publishing House, Hanoi, 1987.